

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/DS-PT

Ngày: 20-01-2022

V/v: Tranh chấp về hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Phương

Các Thẩm phán:

Ông Võ Minh Tiến

Bà Trịnh Thị Thu Lan

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kim Quyên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 43/2021/TLPT-DS ngày 08 tháng 9 năm 2021, về việc “*Tranh chấp về hợp đồng tín dụng*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 26/2021/ DS-ST ngày 03 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 110/2021/QĐPT-DS ngày 28 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng S.

Địa chỉ: Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Đức Thạch D, Tổng Giám đốc Ngân hàng S là người đại diện theo pháp luật. Ông Nguyễn Quang T, Giám đốc Ngân hàng S – chi nhánh Quảng Ngãi là người đại diện theo ủy quyền (Quyết định ủy quyền số 3161/2021/QĐ –PL ngày 27/12/2021). Ông Nguyễn Quang T ủy quyền lại cho bà Thái Thị L, Phó Phòng Kiểm soát rủi ro tham gia tố tụng (Văn bản ủy quyền số 157/2021/GUQ- CNQNI ngày 30/12/2021).

- Bị đơn: Bà Trần Thị Bích L1, sinh năm 1978 và ông Hồ Văn C, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Trần Thế V, sinh năm 1984 và chị Nguyễn Thị Thúy V1, sinh năm 1984.

2. Cháu Trần Vũ Vân T1, sinh năm 2013 và cháu Trần Vũ Nguyên C1, sinh năm 2014.

Người đại diện hợp pháp cho cháu Trần Vũ Vân T1 và cháu Trần Vũ Nguyên C1 là anh Trần Thế V và chị Nguyễn Thị Thúy V1 (cha mẹ đẻ của cháu T1 và cháu C1).

Hộ khẩu thường trú: Xã N1, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Chỗ ở hiện nay: Xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Anh Hồ Tấn T2, sinh năm 1999;

4. Anh Hồ Tấn P sinh năm 2001;

5. Cháu Hồ Ý V2 sinh năm 2005;

Người đại diện hợp pháp cho cháu Hồ Ý V2 là ông Hồ Văn C và bà Trần Thị Bích L1 (cha mẹ đẻ của cháu V2).

Cùng địa chỉ: Xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

- Người kháng cáo: Anh Hồ Tấn T2, anh Trần Thế V và chị Nguyễn Thị Thúy V1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Tại phiên tòa: Bà L, anh V có mặt; bà L1, ông C, chị V1, anh T2, anh P vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 02/02/2020, bản tự khai ngày 10/3/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa đại diện nguyên đơn bà Thái Thị L trình bày:

Giữa Ngân hàng S (sau đây gọi tắt là S) với bà Trần Thị Bích L1 và ông Hồ Văn C có ký các hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng tín dụng số LD1735300440 ngày 22/12/2017 và Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số LD 1735300440-01 ngày 22/12/2018 với số tiền vay 5.000.000.000 đồng. Mục đích vay: Cải hoán tàu thuyền, thay ngư lưới cụ, thời hạn vay là 60 tháng, phương thức trả nợ lãi trả hàng tháng, gốc trả hàng quý.

- Hợp đồng tín dụng số LD1834600312 ngày 22/12/2018, với số tiền vay 3.000.000.000 đồng. Mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh, thời hạn vay là 03 tháng, phương thức trả nợ lãi trả hàng tháng, gốc trả cuối kỳ.

Để đảm bảo cho các khoản vay trên, bà Trần Thị Bích L1 và ông Hồ Văn C

đã thế chấp các tài sản sau:

1. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại thửa 26, tờ bản đồ số 12, diện tích 201,2m² tại xã N, thành phố Q theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 144754, vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 01966 do UBND huyện T3, tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 01/10/2013, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số LD1735300439 ngày 22/12/2017 và văn bản thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số LD 1735300439-01 ngày 22/12/2018.

2. Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 592, tờ bản đồ số 12, diện tích 123,5m² tại xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 017133, vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 02592 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 31/5/2016 cho bà Trần Thị Bích L1 và ông Hồ Văn C, theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 01/LD1735300439 ngày 22/12/2017 và văn bản thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 01/LD1735300439-01 ngày 22/12/2018.

3. Tàu cá có số đăng ký QNg-92238-TS, kiểu máy CUMMIN, số máy 317950, công suất 830CV, do Mỹ chế tạo và đóng năm 2016 tại Quảng Ngãi. Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá do Chi cục khai thác và bảo vệ nguồn lợi Thủy sản Quảng Ngãi cấp ngày 22/11/2016. Hợp đồng thế chấp tàu cá số: LD1735300440 ngày 22/12/2017 và văn bản thỏa thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp tàu cá số: LD1735300440-01 ngày 22/12/2018.

4. Tàu cá có số đăng ký: QNg-92256-TS, kiểu máy CUMMIN, số máy 317807, công suất 830CV, do Mỹ chế tạo và đóng năm 2016 tại Quảng Ngãi. Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá do Chi cục khai thác và bảo vệ nguồn lợi Thủy sản Quảng Ngãi cấp ngày 22/11/2016. Hợp đồng thế chấp tàu cá số 01/LD1735300440 ngày 22/12/2017 và văn bản thỏa thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp tàu cá số 01/LD1735300440-01 ngày 22/12/2018.

Bà L1, ông C lập giấy cam kết thế chấp về việc đảm bảo toàn bộ nghĩa vụ tài chính ngày 21/12/2018. Quá trình vay, bà Trần Thị Bích L1 và ông Hồ Văn C đã vi phạm hợp đồng tín dụng đã ký kết, nhiều lần Ngân hàng đã mời làm việc đề nghị thanh toán khoản nợ vay của ông, bà cho Ngân hàng nhưng bà L1 và ông C vẫn không thanh toán cho Ngân hàng.

Nay, Ngân hàng S yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trần Thị Bích L1, ông Hồ Văn C thanh toán cho Ngân hàng số tiền còn thiếu tính đến ngày 03/6/2021 là 7.158.652.681 đồng (*Bảy tỷ một trăm năm mươi tám triệu sáu trăm năm mươi hai nghìn sáu trăm tám mươi một đồng*). Trong đó nợ gốc là 5.790.000.000 đồng (*Năm tỷ bảy trăm chín mươi triệu đồng*), tiền nợ lãi trong hạn là 516.473.409 đồng (*Năm trăm mười sáu triệu bốn trăm bảy mươi ba nghìn bốn trăm lẻ chín đồng*), tiền lãi

quá hạn là 852.179.272 đồng (*Tám trăm năm mươi hai triệu một trăm bảy mươi chín nghìn hai trăm bảy mươi hai đồng*).

Kể từ ngày 04/6/2021 bà Trần Thị Bích L1, ông Hồ Văn C còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng trên cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp bà Trần Thị Bích L1 và ông Hồ Văn C không trả nợ cho Ngân hàng S thì yêu cầu xử lý các tài sản thế chấp đã nêu trên cho Ngân hàng. Trường hợp, xử lý tài sản thế chấp mà không đủ để thu hồi nợ thì bà Trần Thị Bích L1 và ông Hồ Văn C phải tiếp tục trả nợ cho đến khi thanh toán xong nợ cho Ngân hàng S.

Tại Bản tự khai ngày 13/3/2020, Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 22/5/2020 và tại phiên tòa bên bị đơn bà Trần Thị Bích L1 đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của ông Hồ Văn C trình bày:

Bà với ông Hồ Văn C có vay tiền tại Ngân hàng S với hai hợp đồng tín dụng: Hợp đồng tín dụng số LD1735300440 ngày 22/12/2017 với số tiền vay 5.000.000.000 đồng; Hợp đồng tín dụng số LD1834600312 với số tiền 3.000.000.000 đồng. Tổng cộng vay hai hợp đồng này 8.000.000.000 đồng, mục đích vay để làm ăn, kinh doanh. Để đảm bảo khoản vay vợ chồng bà thế chấp các tài sản là nhà và quyền sử dụng đất tại thửa đất số 26, tờ bản đồ số 12 xã N, thành phố Q theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số LD1735300439 ngày 22/12/2017; nhà và quyền sử dụng đất tại thửa đất số 592, tờ bản đồ số 12 xã N, thành phố Q theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 01/LD1735300439 ngày 22/12/2017; tàu cá số đăng ký QNg-92238-TS đứng tên chủ tàu ông Hồ Văn C theo hợp đồng thế chấp số LD1735300440 ngày 22/12/2017 và tàu cá số đăng ký QNg-92256-TS đứng tên chủ tàu ông Hồ Văn C theo hợp đồng thế chấp số 01/LD1735300440 ngày 22/12/2017 cho Ngân hàng S. Tuy nhiên, quá trình sử dụng vốn thì vợ chồng làm ăn thất bại, không có thu nhập để trả nợ cho Ngân hàng được.

Ngôi nhà gắn liền trên thửa đất số 592, tờ bản đồ số 12, xã N, thành phố Q là do vợ chồng em trai của bà L1 là anh Trần Thế V và chị Nguyễn Thị Thúy V1 làm và hiện đang sinh sống tại ngôi nhà trên, quyền sử dụng đất là của vợ chồng bà L1, ông C. Khi đi làm sở hữu nhà chính chị Nguyễn Thị Thúy V1 là vợ anh V đi làm giúp quyền sở hữu nhà cho vợ chồng bà. Khi bà và ông C thế chấp nhà và quyền sử dụng đất này thì anh V và chị V1 đồng ý, số tiền vay ở Ngân hàng được chuyển vào tài khoản của chị V1. Bà L1 thống nhất với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng và đồng ý giao tài sản đã thế chấp cho Ngân hàng để xử lý thu hồi nợ nếu bà và ông C không trả nợ cho Ngân hàng. Đối với căn nhà trên thửa đất số 592 là của anh V, chị V1 thì khi xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ thì anh V, chị V1 được quyền ưu tiên mua. Đối với ngôi nhà và quyền sử dụng đất tại thửa đất số 26, tờ bản đồ số 12

là của vợ chồng ông bà, bà L1 đồng ý giao lại tài sản thế chấp này cho Ngân hàng xử lý trường hợp ông, bà không thanh toán được nợ cho Ngân hàng.

Tại văn bản ngày 04/6/2020, bản tự khai ngày 26/8/2020 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Thế V, chị Nguyễn Thị Thúy V1 trình bày:

Năm 2015 vợ chồng anh V, chị V1 có thỏa thuận bằng miệng với vợ chồng bà L1, ông C cho anh V, chị V1 làm nhà trên thửa đất số 592, diện tích 95,6m², tờ bản đồ 12, tại xã N, thành phố Q đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất là của ông Hồ Văn C và bà Trần Thị Bích L1. Khi làm nhà xong anh V, chị V1 sẽ tính giá cả, mua bán nhà với bà L1, ông C, việc thỏa thuận này hoàn toàn tự nguyện, không có tranh chấp. Nhà của anh V, chị V1 đang quản lý, sử dụng được các hộ dân liền kề, xác nhận là tài sản của anh V, chị V1. Việc làm giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà để ông C, bà L1 đứng tên là do anh V, chị V1 tự thỏa thuận bằng lời nói với bà L1, ông C để tiện cho việc mua bán sau này. Việc vay mượn nợ giữa bà L1, ông C và Ngân hàng thì vợ chồng anh V, chị V1 không biết. Anh V, chị V1 có biết được việc bà L1 có nói với Ngân hàng là nhà này của vợ chồng anh V, chị V1 nhưng anh V, chị V1 cũng không nhận được bất kỳ liên hệ nào của Ngân hàng để xác minh tài sản thế chấp về căn nhà trên thửa đất 592 này mặc dù bà L1 và ông C đã thông báo bằng lời nói cho Ngân hàng biết nhà này hiện do ông V, bà V1 chiếm hữu, sử dụng. Nay anh V, chị V1 có ý kiến đối với tài sản trên đất tại thửa đất số 592 là của vợ chồng anh V, chị V1 toàn quyền chiếm hữu, sử dụng, định đoạt, anh V, chị V1 không có nghĩa vụ gì với Ngân hàng. Phần đất anh V, chị V1 không tranh chấp, nếu Ngân hàng xử lý theo quy định thì anh V, chị V1 sẽ ưu tiên mua theo đúng giá tại thời điểm anh V, chị V1 làm nhà năm 2015.

Anh Hồ Tấn T2, anh Hồ Tấn P, cháu Hồ Thị Ý V2 được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không có ý kiến trình bày.

Tại Biên bản làm việc ngày 10 /11/2020, người làm chứng ông Nguyễn Văn K khai:

Ông là người nhận thầu thi công xây nhà phân cứng (phân xây hồ) và hoàn thiện nhà cho anh Trần Thế V và chị Nguyễn Thị Thúy V1 căn nhà tại Xã N, thành phố Q. Thời hạn thi công khoán từ tháng 6 (Âm lịch) năm 2015 đến khoảng tháng 11 năm 2015 là hoàn thành. Khi thi công không có bản vẽ thiết kế hay giấy phép xây dựng, ông K xây dựng nhà dựa theo bản bạc, thỏa thuận giữa anh V và ông K. Anh V, chị V1 trả tiền trực tiếp cho ông K khi ông K thi công từng hạng mục. Ông K không biết nguồn tiền ở đâu anh V, chị V1 đưa cho ông. Ông K cũng không biết nguồn gốc thửa đất của ai, thửa đất có số hiệu thửa là số mấy mà chỉ theo sự chỉ dẫn địa điểm thửa đất để xây nhà của anh V, anh V đóng cọc, xác định ranh giới đất để ông K thi công xây dựng nhà. Ngoài ra, ông K không có ý kiến gì khác.

Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2021/DS-ST ngày 03 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Q đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S về việc tranh chấp Hợp đồng tín dụng số LD1735300440 ngày 22/12/2017 và Hợp đồng tín dụng số LD1834600312 ngày 22/12/2018 đối với bà Trần Thị Bích L1 và ông Hồ Văn C.

2. Buộc bà Trần Thị Bích L1, ông Hồ Văn C có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng S tổng số tiền tính đến ngày 03/6/2021 là 7.158.652.681 đồng (Bảy tỷ một trăm năm mươi tám triệu sáu trăm năm mươi hai nghìn sáu trăm tám mươi một đồng). Trong đó, nợ gốc là 5.790.000.000 đồng (năm tỷ bảy trăm chín mươi triệu đồng), tiền nợ lãi trong hạn là 516.473.409 đồng (năm trăm mười sáu triệu bốn trăm bảy mươi ba nghìn bốn trăm lẻ chín đồng), tiền lãi quá hạn là 852.179.272 đồng (tám trăm năm mươi hai triệu một trăm bảy mươi chín nghìn hai trăm bảy mươi hai đồng).

Kể từ ngày 04/6/2021 bà Trần Thị Bích L1 và ông Hồ Văn C còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng trên cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

3. Trường hợp bà Trần Thị Bích L1 và ông Hồ Văn C không trả được nợ thì Ngân hàng S có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 26 và thửa đất số 592 đều thuộc tờ bản đồ số 12, xã N, thành phố Q theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số LD1735300439 ngày 22/12/2017 và văn bản thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số LD 1735300439 -01 ngày 22/12/2018; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 01/LD1735300439 và văn bản thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 01/LD1735300439-01 ngày 22/12/2018 và giấy cam kết thế chấp về việc đảm bảo toàn bộ nghĩa vụ tài chính ngày 21/12/2018. Xử lý tài sản thế chấp là hai tàu cá: Tàu cá có số đăng ký QNg-92256-TS, Tàu cá có số đăng ký QNg-92238-TS theo Hợp đồng thế chấp tàu cá số LD1735300440 ngày 22/12/2017 và văn bản thỏa thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp tàu cá số LD1735300440 – 01 ngày 22/12/2018; Hợp đồng thế chấp tàu cá số: 01/LD1735300440 ngày 22/12/2017 và văn bản thỏa thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp tàu cá số 01/LD1735300440-01 ngày 22/12/2018 để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Sau khi xử lý tài sản thế chấp không đủ để trả nợ thì bà Trần Thị Bích L1 và ông Hồ Văn C có nghĩa vụ tiếp tục trả các khoản nợ theo các hợp đồng tín dụng nêu trên cho đến khi trả xong nợ.

Buộc anh Trần Thế V, chị Nguyễn Thị Thúy V1, các cháu Trần Vũ Vân T1, Trần Vũ Nguyên C1, anh Hồ Tấn T2, anh Hồ Tấn P, cháu Hồ Ý V2 phải bàn giao tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng khi xử lý tài sản thế chấp.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị Bích L1 và ông Hồ Văn C phải nộp là 115.158.653 đồng (Một trăm mười lăm triệu một trăm năm mươi tám nghìn sáu trăm năm mươi ba đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng S số tiền 57.217.011 đồng (năm mươi bảy triệu hai trăm mười bảy nghìn không trăm mười một đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0003334 ngày 25/02/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Q.

5. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Bà Trần Thị Bích L1 và ông Hồ Văn C có nghĩa vụ thanh toán lại cho Ngân hàng S số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 15 tháng 6 năm 2021, anh Trần Thế V và chị Nguyễn Thị Thúy V1 kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết: Xem xét lại toàn bộ quá trình, thủ tục tố tụng có đúng với quy định của pháp luật trong giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 61/TB-TLVA ngày 25 tháng 2 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Q vì có nhiều trường hợp người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng Tòa án không mời.

Giải quyết lại tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 592, tờ bản đồ số 12 tại xã N, thành phố Q. Đây là tài sản thuộc Sở hữu hợp pháp của vợ chồng chúng tôi nhưng Tòa án cấp sơ thẩm tuyên là tài sản của bà Trần Thị Bích L1 và ông Hồ Văn C để giao cho Ngân hàng S xử lý tài sản thế chấp cho dù bà Trần Thị Bích L1 không thừa nhận là tài sản của bà và chứng cứ chứng minh là tài sản của vợ chồng chúng tôi là trái với quy định của pháp luật, xâm phạm nghiêm trọng quyền sở hữu tài sản của chúng tôi.

Ngày 18 tháng 6 năm 2021, anh Hồ Tấn T2 kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết: Hủy mục 3 trong phần quyết định của bản án số 26/2021/DS-ST ngày 03 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Q.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tại phiên tòa phúc thẩm:

Về tuân thủ pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Trần Thế V thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng. Bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khác không thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ Điều 293, khoản 3 Điều 296, khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của anh Hồ Tấn T2, bác đơn kháng cáo của anh V, chị V1, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 26/2021/DS-ST ngày 03 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Q.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Bà Trần Thị Bích L1, ông Hồ Văn C, anh Hồ Tấn T2, anh Hồ Tấn P được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt, căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà L1, ông C, anh T2 và anh P.

Chị Nguyễn Thị Thúy V1 là vợ anh V, chị V1 và anh V có chung nội dung kháng cáo, chị V1 vắng mặt nhiều lần tại các phiên tòa trước. Tại phiên tòa ngày hôm nay anh V trình bày chị V1 có tiếp xúc gần với mẹ chị là người bị nhiễm Covid 19 nhưng đây chỉ là ý kiến trình bày của anh V, căn cứ Nghị quyết số 128/NQ-CP của Chính Phủ về “*Thích ứng an toàn, linh hoạt, phòng chống hiệu quả dịch Covid -19*” và căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị V1.

[1.2] Anh Hồ Tấn T2 là người kháng cáo được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt, thì bị coi như từ bỏ việc kháng cáo, căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của anh Hồ Tấn T2.

[1.3] Anh Hồ Tấn T2, sinh năm 1999, anh Hồ Tấn P sinh năm 2001, cháu Hồ Ý V2, sinh năm 2005 là các con của ông C và bà L1 nên Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự, bổ sung anh T2, anh P và cháu V2 vào tham gia tố tụng ngày 27/8/2020 với tư cách là Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án (bút lục 214). Tuy nhiên, bản án dân sự sơ thẩm lại xác định ông Hồ Văn C, bà Trần Thị Bích L1 là người đại diện hợp pháp cho anh T2, anh P là không đúng quy định tại Điều 20, Điều 136, Điều 138 Bộ luật dân sự năm 2015 vì anh T2, anh P không ủy quyền cho bà L1, ông C; đồng thời anh T2 và anh P đã trên 18 tuổi là người thành niên nên việc xác định ông C, bà L1 là người đại diện hợp pháp của anh T2, anh P là vi phạm quy định tại Điều 69 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[2] Xét nội dung kháng cáo của anh Trần Thế V, chị Nguyễn Thị Thúy V1 “*Giải quyết lại tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 592, tờ bản đồ số 12 tại xã N, thành phố Q. Đây là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của vợ chồng chúng tôi nhưng Tòa án cấp sơ thẩm tuyên là tài sản của bà Trần Thị Bích L1 và ông Hồ Văn C để giao cho Ngân hàng S xử lý tài sản thế chấp cho dù bà Trần Thị Bích L1 không thừa nhận là tài sản của bà và chứng cứ chứng minh là tài sản của vợ chồng chúng*

tôi là trái với quy định của pháp luật, xâm phạm nghiêm trọng quyền sở hữu tài sản của chúng tôi”.

[2.1] Tại Biên bản làm việc ngày 20/7/2020 (bút lục 148, 149) bà L1 trình bày *“Ngôi nhà xây dựng trên thửa đất 592 này là của vợ chồng tôi tự xây dựng năm 2015, đến năm 2016 vợ chồng tôi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở ... Tôi nhờ V1 lên làm thủ tục cấp giấy này cho vợ chồng tôi và vợ chồng tôi cho vợ chồng em trai V, V1 ở mãi cho đến giờ không có tranh chấp... Vợ chồng V, V1 có biết vợ chồng tôi thế chấp để vay, chúng nó không có ý kiến gì”.* Tại phiên tòa phúc thẩm, anh V xác nhận giữa anh V, chị V1 và bà L1, ông C có thỏa thuận quyền sở hữu ngôi nhà trên thửa đất 592 để cho bà V1, ông C đứng tên. Trên cơ sở khai nhận của bà L1 và xác nhận của anh V thấy rằng, ngày 31/5/2016, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi căn cứ quy định tại Điều 158 Bộ luật dân sự năm 2015; điểm a khoản 4 Điều 95 Luật Đất đai năm 2013; Điều 5, 9, 10 Luật Nhà ở năm 2014 công nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà tại thửa đất số 592, tờ bản đồ số 12, xã N trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền số phát hành CĐ 017133, số vào sổ CS 02592 cho ông Hồ Văn C, bà Trần Thị Bích L1 là đúng pháp luật vì tại thời điểm này anh V, chị V1 không có tranh chấp quyền sở hữu nhà với ông C, bà L1.

[2.2] Sau khi vay tiền của Ngân hàng, ngày 15/6/2018 bà L1 chuyển tiền từ tài khoản của bà L1 mở tại Ngân hàng S sang cho chị V1 1.000.000.000 đồng; cũng trong ngày chị V1 đã rút tiền từ tài khoản mở tại Ngân hàng S 1.000.000.000 đồng; ngày 22/12/2018 bà L1 chuyển cho chị V1 2.000.000.000 đồng nên khai nại của chị V1, anh V cho rằng không biết việc ông C, bà L1 thế chấp tài sản là quyền sử dụng thửa đất số 592 tờ bản đồ 12, xã N và tài sản gắn liền trên thửa đất cho Ngân hàng để vay tiền là không đúng sự thật.

[2.3] Ông C, bà L1 thế chấp các tài sản là quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà trên thửa đất số 592, tờ bản đồ số 12, xã N cho Ngân hàng, các Hợp đồng thế chấp được công chứng chứng thực nên có hiệu lực từ thời điểm giao kết theo quy định tại khoản 1 Điều 319 Bộ luật dân sự năm 2015 *“Hợp đồng thế chấp tài sản có hiệu lực từ thời điểm giao kết..”.*

[2.4] Tài sản thế chấp là quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất trên thửa đất số 592 tờ bản đồ số 12, xã N được chính ông C, bà L1 đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi – Chi nhánh thành phố Q ngày 22/12/2017 (bút lục 36, 37). Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 319 Bộ luật dân sự năm 2015 *“Thế chấp tài sản phát sinh hiệu lực đối kháng với người thứ ba kể từ thời điểm đăng ký”* nên việc anh V, chị V1 tranh chấp quyền sở hữu ngôi nhà trên thửa đất số 592 với Ngân hàng trong vụ án này không được pháp luật chấp nhận.

[2.5] Tại Tòa án cấp sơ thẩm, anh V đã được giải thích quyền về tài sản và quyền yêu cầu độc lập đối với tài sản nhưng anh V khẳng định *“Tôi cho rằng tôi*

không phát sinh quyền và nghĩa vụ với nguyên đơn và bị đơn, tôi không có trách nhiệm chứng minh tài sản nên việc Tòa án đưa tôi vào người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là không cần thiết... quan điểm của tôi vợ chồng chưa phát sinh quyền, nghĩa vụ nên chưa có yêu cầu độc lập gì” (bút lục 153 đến 155). Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không định giá ngôi nhà trên thửa đất số 592, tờ bản đồ số 12, xã N là đúng pháp luật nếu anh V, chị V1 chứng minh được ngôi nhà trên thửa đất số 592 của anh chị, thì anh chị có quyền khởi kiện ông C, bà L1 trả lại giá trị ngôi nhà trong vụ án khác.

[2.6] Theo quy định tại khoản 1 Điều 297 Bộ luật dân sự năm 2015 “*Biện pháp bảo đảm phát sinh hiệu lực đối kháng với người thứ ba từ khi đăng ký biện pháp bảo đảm hoặc bên nhận bảo đảm nắm giữ hoặc chiếm giữ tài sản bảo đảm*”, ông C, bà L1 đăng ký giao dịch bảo đảm đối với các tài sản thế chấp vào ngày 22/12/2017, sau khi ông C, bà L1 hoàn thành việc đăng ký giao dịch bảo đảm thì Ngân hàng là người nắm giữ tài sản (bút lục 13, 24, 36, 37, 49, 50A). Căn cứ quy định tại các Điều 97, 298, 299, 300, 301 Bộ luật dân sự năm 2015, trường hợp ông C, bà L1 không thực hiện nghĩa vụ trả hết các khoản nợ cho Ngân hàng, Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tất cả các tài sản bảo đảm trong đó có các vật kiến trúc trên thửa đất 592, tờ bản đồ số 12, xã N, thành phố Q theo quy định tại khoản 5 Điều 323 Bộ luật dân sự năm 2015 “*Yêu cầu bên thế chấp hoặc người thứ ba giữ tài sản thế chấp giao tài sản đó cho mình để xử lý khi bên thế chấp không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ*”.

Với những nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận nội dung kháng cáo này của anh V, chị V1.

[3] Xét nội dung kháng cáo của anh Trần Thế V, chị Nguyễn Thị Thúy V1, “*Xem xét lại toàn bộ quá trình, thủ tục tố tụng có đúng với quy định của pháp luật trong giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 61/TB-TLVA ngày 25 tháng 2 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Q*”. Hội đồng xét xử thấy, Thông báo về việc thụ lý vụ án số 61/TB-TLVA ngày 26 tháng 02 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Q đã thực hiện đúng quy định tại Điều 196 Bộ luật tố tụng dân sự và mẫu số 30-DS ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐTP ngày 13/01/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, việc xác định các đương sự trong vụ án tại thời điểm Tòa án thụ lý vụ án là trên cơ sở Đơn khởi kiện đề ngày 02/02/2020 của Ngân hàng, và quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự nên việc xác định người tham gia tố tụng của Tòa án cấp sơ thẩm là đúng quy định pháp luật. Về thẩm quyền thụ lý, giải quyết, xét xử sơ thẩm đảm bảo quy định tại khoản 1 Điều 30, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3.1] Xét nội dung kháng cáo của anh V, chị V1 “*Tòa án cấp sơ thẩm chưa tiến hành mời hết các nhân chứng mà người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cung cấp; không xác minh thực tế tại nơi có tài sản tranh chấp, không xem xét các đơn xác nhận của các nhân chứng*” và “*Tòa án không hoãn phiên tòa khi người có*

quyền lợi nghĩa vụ liên quan yêu cầu hoãn do không có người làm chứng có mặt tại phiên tòa". Hội đồng xét xử thấy, tại mục [2.4] của Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2021/DS-ST ngày 03/6/2021 của Tòa án cấp sơ thẩm có nhận định về các Đơn xin xác nhận đề ngày 28/7/2020 của bà Đỗ Thị H, ông Trần Quang T4, bà Trần Thị Đ (bút lục 260); ông Cao Thanh H1 là chủ cửa hàng vật liệu xây dựng H2 (bút lục 261); ông Nguyễn Văn K (bút lục 200). Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá các nội dung xác nhận của bà H, bà Đ, ông Q1, ông K, ông H1 đồng thời ngày 10 tháng 11 năm 2020 Tòa án cấp sơ thẩm đã làm việc với ông K và có triệu tập ông K đến phiên tòa ngày 03/6/2021 (bút lục 440) nhưng ông K vắng mặt.

Ngoài ra, theo quy định tại Điều 77, Điều 78, Điều 167 Bộ luật tố tụng dân sự, thì anh V, chị V1 phải có đơn đề nghị thì Tòa án mới triệu tập tất cả những người làm chứng đến Tòa án, bởi chi phí cho người làm chứng là do anh V, chị V1 chi trả nhưng anh V, chị V1 không có đề nghị triệu tập người làm chứng nên Tòa án cấp sơ thẩm không triệu tập người làm chứng là bà H, ông T4, bà Đ, ông H1 là có cơ sở.

[3.2] Anh V, chị V1 cho rằng Tòa án phải hoãn phiên tòa vì anh, chị yêu cầu hoãn phiên tòa do không có người làm chứng. Hội đồng xét xử thấy, theo quy định tại các Điều 77, 78, 167 Bộ luật tố tụng dân sự, thì anh V, chị V1 phải có đề nghị thì Tòa án mới triệu tập những người làm chứng đến phiên Tòa ngày 03/6/2021, nhưng anh V, chị V1 không có đề nghị trước đó nên những người làm chứng là bà H, bà Đ, ông Q1, ông H1 không được triệu tập còn ông K được Tòa án triệu tập nhưng ông K không đến phiên tòa (bút lục 440).

[3.3] Khoản 1 Điều 297 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định “*Biện pháp bảo đảm phát sinh hiệu lực đối kháng với người thứ ba từ khi đăng ký biện pháp bảo đảm hoặc bên nhận bảo đảm nắm giữ hoặc chiếm giữ tài sản bảo đảm*”; điểm a khoản 1 Điều 308 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định “*Trường hợp các biện pháp bảo đảm đều phát sinh hiệu lực đối kháng với người thứ ba thì thứ tự thanh toán được xác định theo thứ tự xác lập hiệu lực đối kháng*”. Như vậy, kể từ ngày 22/12/2017, ngày ông C bà L1 đăng ký giao dịch bảo đảm các tài sản thế chấp thì quyền của bên nhận thế chấp tài sản là Ngân hàng đã đối kháng với anh V, chị V1 nên Anh V, chị V1 yêu cầu hoãn phiên tòa, để các nhân chứng có mặt là không nhất thiết.

[3.4] Căn cứ quy định Điều 229, Điều 233 Bộ luật tố tụng dân sự trong trường hợp người làm chứng vắng mặt nhưng trước đó họ đã có lời khai thì chủ tọa phiên tòa công bố lời khai đó. Hội đồng xét xử của Tòa án cấp sơ thẩm không công bố các giấy xác nhận của bà H, bà Đ, ông H1, ông Q1 và lời khai của ông K ngày 10/11/2020 (bút lục 201, 202) là vi phạm tố tụng, nhưng đây không phải là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng theo quy định tại Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự.

Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận nội dung kháng cáo này của anh V, chị V1.

[4] Với những nhận định trên, Hội đồng xét xử quyết định không chấp nhận kháng cáo của anh Trần Thế V, chị Nguyễn Thị Thúy V1; đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của anh Hồ Tấn T2, quyết định giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm:

Do đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của anh T2 nên số tiền anh T2 đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng được sung vào ngân sách Nhà nước.

Do không chấp nhận kháng cáo của anh Trần Thế V, chị Nguyễn Thị Thúy V1, nên anh V, chị V1 phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp.

[6] Các phần khác của bản án dân sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, đúng quy định pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 148; khoản 2, khoản 3 Điều 296; khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 297, 308, 317, 318, 319, 323, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Khoản 2 Điều 18, Khoản 2 Điều 26, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của anh Hồ Tấn T2.

- Không chấp nhận kháng cáo của anh Trần Thế V, chị Nguyễn Thị Thúy V1.

- Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2021/DS-ST ngày 03 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S về việc tranh chấp Hợp đồng tín dụng số LD1735300440 ngày 22/12/2017 và Hợp đồng tín dụng số LD1834600312 ngày 22/12/2018 đối với bà Trần Thị Bích L1, ông Hồ Văn C.

2. Buộc bà Trần Thị Bích L1, ông Hồ Văn C có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng S tổng số tiền tính đến ngày 03/6/2021 là 7.158.652.681 đồng (*Bảy tỷ, một trăm năm mươi tám triệu, sáu trăm năm mươi hai nghìn, sáu trăm tám mươi một đồng*). Trong đó nợ gốc là 5.790.000.000 đồng (*Năm tỷ, bảy trăm chín mươi triệu*

đồng); tiền nợ lãi trong hạn là 516.473.409 đồng (*Năm trăm mười sáu triệu, bốn trăm bảy mươi ba nghìn, bốn trăm lẻ chín đồng*), tiền lãi quá hạn là 852.179.272 đồng (*Tám trăm năm mươi hai triệu, một trăm bảy mươi chín nghìn, hai trăm bảy mươi hai đồng*).

Kể từ ngày 04/6/2021 bà Trần Thị Bích L1, ông Hồ Văn C còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng trên cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

3. Trường hợp bà Trần Thị Bích L1, ông Hồ Văn C không trả được nợ hoặc trả không đầy đủ các khoản nợ thì Ngân hàng S có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 26 và thửa đất số 592 cùng tờ bản đồ số 12, xã N, thành phố Q theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số LD1735300439 ngày 22/12/2017 và văn bản thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số LD 1735300439 -01 ngày 22/12/2018; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 01/LD1735300439 và văn bản thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 01/ LD1735300439-01 ngày 22/12/2018 và giấy cam kết thế chấp về việc đảm bảo toàn bộ nghĩa vụ tài chính ngày 21/12/2018. Xử lý tài sản thế chấp là hai tàu cá: Tàu cá có số đăng ký QNg-92256-TS, Tàu cá có số đăng ký: QNg-92238-TS Hợp đồng thế chấp tàu cá số LD1735300440 ngày 22/12/2017 và văn bản thỏa thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp tàu cá số LD1735300440 – 01 ngày 22/12/2018; Hợp đồng thế chấp tàu cá số 01/LD1735300440 ngày 22/12/2017 và văn bản thỏa thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp tàu cá số 01/LD1735300440-01 ngày 22/12/2018 để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Sau khi xử lý tài sản thế chấp mà không đủ để thu hồi nợ thì bà Trần Thị Bích L1, ông Hồ Văn C tiếp tục có nghĩa vụ trả các khoản nợ theo các Hợp đồng tín dụng nêu trên cho đến khi trả xong nợ.

Buộc anh Trần Thế V, chị Nguyễn Thị Thúy V1, anh Hồ Tấn T2, anh Hồ Tấn P và các cháu Trần Vũ Vân T1, Trần Vũ Nguyên C1, Hồ Ý V2 phải bàn giao tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng khi xử lý tài sản thế chấp.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị Bích L1, ông Hồ Văn C phải nộp là 115.158.653 đồng (*Một trăm mười lăm triệu một trăm năm mươi tám nghìn sáu trăm năm mươi ba đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng S số tiền 57.217.011 đồng (*Năm mươi bảy triệu, hai trăm mười bảy nghìn, không trăm mười một đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0003334 ngày 25/02/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Q.

5. Án phí dân sự phúc thẩm:

Sung vào Ngân sách Nhà nước số tiền 300.000 đồng mà anh Hồ Tấn T2 đã nộp tạm ứng án phí tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0007732 ngày 19/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Anh Trần Thế V, chị Nguyễn Thị Thúy V1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm được khấu trừ vào số tiền anh V, chị V1 đã nộp tạm ứng án phí tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0007731 ngày 19/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

6. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Bà Trần Thị Bích L1, ông Hồ Văn C có nghĩa vụ thanh toán lại cho Ngân hàng S số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- TAND thành phố Q;
- Chi cục THADS thành phố Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thu Phương